

Số: 1848 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 27 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế Bản vẽ thi công – Dự toán công trình: Xây dựng tuyến đường Trần Quang Khải thuộc dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2 – Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 535/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 535/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 46/TTr-SXD ngày 16/11/2018, Báo cáo số 377/BC-SXD ngày 14/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế Bản vẽ thi công – Dự toán công trình Xây dựng tuyến đường Trần Quang Khải thuộc dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2 – Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang với các nội dung sau:

1. Lý do điều chỉnh, bổ sung:

- Trong quá trình thi công gặp một số vị trí có nền đất yếu không phù hợp với giải pháp thiết kế đã được phê duyệt;

- Một số vị trí chưa được bố trí cống thoát nước ngang phục vụ tiêu thoát nước của khu vực;

- Chiều cao đường dây điện trung thế và hạ thế đi qua tuyến đường không đảm bảo an toàn theo quy định.

2. Nội dung, giải pháp thiết kế điều chỉnh, bổ sung:

2.1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

a) Xử lý nền đất yếu trên 07 phân đoạn:

- Phân đoạn 01 (Km0+016.70 – Km0+085.36): chiều dài 68,66m, chiều sâu trung bình đáy lớp đất yếu 4m;

- Phân đoạn 02 (Km0+085.36 – Km0+144.82): chiều dài 59,46m, chiều sâu trung bình đáy lớp đất yếu 9m;

- Phân đoạn 03 (Km0+144.82 – Km0+180.00): chiều dài 35,18m, chiều sâu trung bình đáy lớp đất yếu 2m;

- Phân đoạn 04 (Km0+730.00 – Km0+819.89): chiều dài 20m, chiều sâu trung bình đáy lớp đất yếu 4m;

- Phân đoạn 05 (Km0+859.89 – Km0+979.89): chiều dài 120m, chiều sâu trung bình đáy lớp đất yếu 4m;

- Phân đoạn 06 (Km1+612.94 – Km1+700.00): chiều dài 87,06m, chiều sâu trung bình đáy lớp đất yếu 7,5m;

- Phân đoạn 07 (Km1+700.00 – Km1+800.00): chiều dài 100m, chiều sâu trung bình đáy lớp đất yếu 4m.

b) Điều chỉnh, bổ sung hệ thống thoát nước ngang:

- Điều chỉnh thiết kế cống tròn BTCT D100 tại Km0+619.90 và Km0+797.12 bằng cống hộp BxH=1,5x1,5m tại Km0+639.90 và Km0+797.13 để đảm bảo thoát nước cho khu vực;

- Bổ sung 02 cống hộp BxH=1,0x1,0m tại Km0+328.25, Km0+393.50 để đảm bảo cung cấp nước phục vụ canh tác cho nhân dân;

- Bổ sung 01 cống hộp BxH=1,5x1,5m tại Km0+900.00 để đảm bảo thoát nước cho khu vực;

- Điều chỉnh giải pháp gia cố nền đất yếu dưới đáy cống hộp BxH=2x(3,0x2,0)m tại Km0+115.19.

c) Dịch chuyển đường điện trung thế 22kV, hạ thế 0,4kV; đường điện chiếu sáng và hệ thống thông tin liên lạc:

- Hạ ngầm đường điện chiếu sáng và thông tin liên lạc hai bên bờ đê và tại lý trình Km1+187.75 để đảm bảo an toàn và cảnh quan chung;

- Dịch chuyển đường điện hạ thế phía phường Thọ Xương có 02 vị trí nằm trong đường tránh dân cư;

- Nâng cao đường dây điện trung thế và hạ thế tại vị trí Km0+473.86 và Km0+856.82 để đảm bảo tĩnh không theo quy định.

2.2. Giải pháp thiết kế điều chỉnh, bổ sung:

a) Xử lý nền đất yếu:

- Đối với những phân đoạn có chiều sâu trung bình của đáy lớp đất yếu $\leq 2\text{m}$ (phân đoạn 03): Áp dụng giải pháp xử lý đào thay một phần đất yếu với chiều dày trung bình 1,2m, sau đó đắp trả 0,5m dưới cùng bằng cát đầm chặt K95, phía trên đắp bằng đất cấp III, đầm chặt K95;

- Đối với những phân đoạn có chiều sâu trung bình của đáy lớp đất yếu trong khoảng từ 2m đến 4m (phân đoạn 01, 04, 05, 07): Áp dụng giải pháp đào thay một phần đất yếu (chiều sâu đào trung bình từ 1,8m đến 2,5m), sau đó đắp trả một phần bằng cát đầm chặt K95 (chiều dày đắp bằng cát thay đổi theo mực nước ngầm nhưng không nhỏ hơn 0,5m), phía trên đắp bằng đất cấp III, đầm chặt K95;

- Đối với những phân đoạn có chiều sâu trung bình của đáy lớp đất yếu trong khoảng từ 7m đến 9m (phân đoạn 02,06): Áp dụng giải pháp xử lý nền đất yếu bằng bấc thấm.

b) Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cống ngang:

- Điều chỉnh thiết kế cống tròn BTCT D100 tại Km0+619.90 bằng cống hộp BxH=1,5x1,5m tại Km0+639.90: Cống hộp gồm 28 đốt cống lắp ghép BTCT M350 dài 1,0m; móng cống đúc sẵn BTCT M250 rộng 2,0m, dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; tường đầu cống, tường cánh cống BTCT M200;

- Điều chỉnh thiết kế cống tròn BTCT D100 tại Km0+797.12 bằng cống hộp BxH=1,5x1,5m tại Km0+797.13: Cống hộp gồm 29 đốt cống lắp ghép BTCT M350 dài 1,0m; móng cống đúc sẵn BTCT M250 rộng 2,0m, dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; tường đầu cống, tường cánh cống BTCT M200;

- Bổ sung cống hộp BxH=1,0x1,0m tại Km0+328.25: Cống hộp gồm 27 đốt cống lắp ghép BTCT M350 dài 1,0m; móng cống đúc sẵn BTCT M250 rộng 1,4m, dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; tường đầu cống, tường cánh cống BTCT M200;

- Bổ sung cống hộp BxH=1,0x1,0m tại Km0+393.50 để đảm bảo cung cấp nước phục vụ canh tác cho nhân dân: Cống hộp gồm 28 đốt cống lắp ghép BTCT M350 dài 1,0m; móng cống đúc sẵn BTCT M250 rộng 1,4m, dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; tường đầu cống, tường cánh cống BTCT M200;

- Bổ sung cống hộp BxH=1,5x1,5m tại Km0+900.00 để đảm bảo thoát nước cho khu vực: Cống hộp gồm 28 đốt cống lắp ghép BTCT M350 dài 1,0m; móng cống đúc sẵn BTCT M250 rộng 2,0m, dày 20cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; tường đầu cống, tường cánh cống BTCT M200;

- Đối với cống hộp BxH=2x(3,0x2,0)m tại Km0+115.19 nằm trong khu vực có xuất hiện đất yếu: Sử dụng giải pháp thay hết toàn bộ phần đất yếu bằng cát đắp đầm chặt K95, trong phạm vi 1m dưới đáy cống đắp cát hạt trung đầm chặt K98; cống hộp dài 28m kết cấu BTCT M300 dày 35cm trên lớp bê tông lót M150 dày 10cm; cửa cống hai đầu cống BTCT M300 dày 40cm trên hệ cọc tre D80 (25 cọc/m²); sân cống BTCT M300 dày 15cm; lát đá hộc VXM M100 dày 25cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm phần ta-luy đường đầu cống từ mép cống mỗi bên 2m; hai bên cống có vai đỡ bản giảm tải BTCT M300 khổ 5m. Bố trí 02 dàn van tại hai đầu cống.

c) Dịch chuyển đường điện trung thế 22kV, hạ thế 0,4kV; đường điện chiếu sáng và hệ thống thông tin liên lạc.

- Hạ ngầm đường điện chiếu sáng và thông tin liên lạc hai bên bờ đê và tại lý trình Km1+187.75 để đảm bảo an toàn và cảnh quan chung;

- Đường điện hạ thế phía phường Thọ Xương, dịch chuyển và thay mới 02 vị trí nằm vào đường tránh bằng cột bê tông ly tâm LT-8,5B;

- Tại Km0+473.86 thay thế hai cột điện ở hai đầu đoạn đường dây cắt qua tuyến bằng 02 cột điện bê tông ly tâm LT-14B để đảm bảo tính không theo quy định;

- Tại Km0+956.82 xây dựng 02 cột điện bê tông ly tâm LT-16D nâng cao đường dây trung thế và cáp viễn thông để đảm bảo tính không theo quy định;

- Các nội dung chi tiết khác: Theo Hồ sơ thiết kế kèm theo.

3. Giá trị dự toán xây dựng công trình (phần điều chỉnh, bổ sung): **15.661.596.000 đồng** (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi một triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó:	- Chi phí BT, GPMB:	360.000.000	đồng
	- Chi phí xây dựng:	13.968.092.000	đồng
	- Chi phí quản lý dự án:	163.300.000	đồng
	- Chi phí tư vấn ĐTXD:	567.290.000	đồng
	- Chi phí khác:	602.914.000	đồng

4. Nguồn vốn: Sử dụng kinh phí tiết kiệm đấu thầu của gói thầu BG1 (không vượt tổng mức đầu tư của dự án được phê duyệt).

5. Các nội dung khác: Theo Báo cáo số 377/BC-SXD ngày 14/11/2018 của Sở Xây dựng; Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, UBND thành phố Bắc Giang, Ban quản lý dự án ĐTXD số 2 thành phố Bắc Giang và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, Nam.CN(2).

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TKCT, TPCNN, GT, XD;

